

Số: 354/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành dược

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 625/QĐ-BYT ngày 25 tháng 02 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng” ban hành theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ quyết định số 123/QĐ-DHN về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng năm 2014 ngày 11/3/2014 của Hiệu trưởng Trường đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học họp ngày 10/6/2014;
Theo đề nghị của Phó trưởng phụ trách phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành dược năm 2014 cho 391 sinh viên (có danh sách kèm theo quyết định này). Trong đó:

- | | |
|----------------------------|---------------|
| - Xếp hạng Giỏi: | 19 sinh viên |
| - Xếp hạng Khá: | 156 sinh viên |
| - Xếp hạng Trung bình khá: | 179 sinh viên |
| - Xếp hạng Trung bình: | 37 sinh viên |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng ĐT, QLSV, KT&KĐCL, CTCT, TCKT, HCTH và các sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT (3 bản).

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đăng Hòa

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 354/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
1	0901109	Phạm Thị Linh Giang	Nữ	07/05/1991	Quảng Bình	Giỏi
2	0901322	Hoàng Thị Minh	Nữ	24/11/1991	Thanh Hóa	Giỏi
3	0901470	Võ Tất Thắng	Nam	06/12/1991	Hà Nội	Giỏi
4	0901460	Phạm Phương Thảo	Nữ	03/11/1991	Thanh Hóa	Giỏi
5	0901090	Đinh Xuân Đại	Nam	22/04/1992	Nghệ An	Giỏi
6	0901270	Đỗ Thuỳ Linh	Nữ	19/09/1991	Hà Nội	Giỏi
7	0901202	Hà Thị Thanh Huyền	Nữ	22/10/1991	Vĩnh Phú	Giỏi
8	0901581	Nguyễn Thị Vân	Nữ	26/07/1991	Bắc Giang	Giỏi
9	0901511	Nguyễn Tiến Tiệp	Nam	03/01/1991	Ninh Bình	Giỏi
10	0901291	Phạm Thị Thanh Lương	Nữ	15/05/1991	Quảng Bình	Giỏi
11	0901206	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	23/06/1991	Nghệ An	Giỏi
12	0901540	Lê Doãn Trí	Nam	15/09/1991	Bắc Ninh	Giỏi
13	0901455	Lê Thị Thảo	Nữ	02/07/1991	Thanh Hóa	Giỏi
14	0901182	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	12/01/1991	Phú Thọ	Giỏi
15	0901222	Nguyễn Mai Hương	Nữ	10/12/1991	Thái Bình	Giỏi
16	0901583	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	15/12/1991	Nghệ An	Giỏi
17	0901503	Nguyễn Thị Phương Thùy	Nữ	03/12/1991	Hải Hưng	Giỏi
18	0901112	Lê Vũ Ngọc Hân	Nữ	18/05/1991	Thanh Hóa	Giỏi
19	0901408	Quản Duy Quang	Nam	23/04/1991	Hà Nội	Giỏi
20	0901115	Đỗ Thị Thu Hà	Nữ	20/11/1991	Hà Nam Ninh	Khá
21	0901526	Nguyễn Thị Trang	Nữ	21/07/1991	Vĩnh Phú	Khá
22	0901529	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	27/01/1991	Hà Nam Ninh	Khá
23	0901095	Đỗ Hải Doan	Nữ	07/12/1991	Hà Tây	Khá
24	0901309	Lê Thị Mai	Nữ	12/09/1991	Thanh Hóa	Khá
25	0901205	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	19/10/1991	Hà Nội	Khá
26	0901412	Nguyễn Đình Quân	Nam	29/01/1991	Hà Nam Ninh	Khá
27	0901488	Nguyễn Thị Thu	Nữ	09/07/1991	Hải Hưng	Khá
28	0901530	Nguyễn Thu Trang	Nữ	26/07/1991	Thái Bình	Khá
29	0901421	Trịnh Thị Thúy Quỳnh	Nữ	27/04/1991	Hưng Yên	Khá
30	0901150	Lê Thị Thu Hậu	Nữ	28/07/1991	Hà Tây	Khá
31	0901496	Đinh Thị Thu Thuỷ	Nữ	25/01/1991	Ninh Bình	Khá
32	0901039	Lê Anh Chiến	Nam	14/09/1991	Vĩnh Phú	Khá
33	0901582	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	12/10/1991	Hà Bắc	Khá
34	0901359	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	27/12/1991	Vĩnh Phú	Khá
35	0901002	Nguyễn Thị Thuý An	Nữ	17/06/1991	Nghệ Tĩnh	Khá
36	0901339	Đậu Thị Tố Nga	Nữ	18/01/1991	Nghệ An	Khá
37	0901193	Mai Thị Huế	Nữ	23/02/1991	Hải Hưng	Khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 357/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
38	0901296	Nguyễn Khánh Ly	Nữ	13/10/1991	Hà Nội	Khá
39	0901181	Lê Thị Hoài	Nữ	18/09/1991	Thanh Hóa	Khá
40	0901301	Phan Thị Lý	Nữ	12/12/1991	Hà Tĩnh	Khá
41	0901597	Võ Thị Anh Vũ	Nữ	04/12/1991	Hà Tĩnh	Khá
42	0901587	Nguyễn Thị Viễn	Nữ	04/02/1991	Bắc Ninh	Khá
43	0901326	Nguyễn Nguyệt Minh	Nữ	11/10/1991	Thái Bình	Khá
44	0901093	Lê Thị Điềm	Nữ	08/08/1991	Thanh Hóa	Khá
45	0901565	Dương Tiến Tùng	Nam	14/12/1991	Vĩnh Phúc	Khá
46	0901023	Vũ Thị Vân Anh	Nữ	07/01/1992	Liên Bang Nga	Khá
47	0901212	Vũ Thu Huyền	Nữ	18/08/1991	Thái Bình	Khá
48	0901284	Nguyễn Đức Long	Nam	29/03/1991	Hà Sơn Bình	Khá
49	0901036	Nguyễn Thị Chi	Nữ	09/10/1991	Vĩnh Phú	Khá
50	0901454	Hoàng Phương Thảo	Nữ	16/05/1991	Thanh Hóa	Khá
51	0901392	Lê Mai Phương	Nữ	03/12/1991	Thanh Hóa	Khá
52	0901538	Đặng Thu Trà	Nữ	30/12/1991	Hà Tây	Khá
53	0901610	Phạm Hải Yến	Nữ	05/12/1991	Hưng Yên	Khá
54	0901608	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	01/06/1991	Bắc Giang	Khá
55	0901120	Nguyễn Thanh Hà	Nữ	19/02/1991	Hà Tây	Khá
56	0901180	Vũ Thị Hoà	Nữ	10/04/1991	Nam Định	Khá
57	0901374	Bùi Thị Tuyết Nhung	Nữ	15/09/1991	Nghệ An	Khá
58	0901404	Phạm Hoa Phượng	Nữ	26/11/1991	Hải Hưng	Khá
59	0901046	Phạm Thị Chính	Nữ	01/10/1991	Thanh Hóa	Khá
60	0901198	Lương Xuân Huy	Nam	22/10/1991	Hải Hưng	Khá
61	0901203	Lương Trần Thanh Huyền	Nữ	15/08/1991	Hà Tĩnh	Khá
62	0901439	Nguyễn Văn Tân	Nam	20/05/1991	Hà Nam	Khá
63	0901592	Nguyễn Thị Ngọc Vui	Nữ	26/03/1991	Bắc Ninh	Khá
64	0901054	Nguyễn Quốc Công	Nam	03/07/1991	Hà Bắc	Khá
65	0901070	Đoàn Hạnh Dung	Nữ	03/08/1991	Thanh Hóa	Khá
66	0901282	Trần Thị Loan	Nữ	16/05/1991	Hà Sơn Bình	Khá
67	0901344	Phan Thị Thanh Nga	Nữ	04/03/1991	Bắc Giang	Khá
68	0901490	Phạm Thị Thu	Nữ	06/08/1991	Nghệ An	Khá
69	0901513	Lê Thị Tinh	Nữ	01/06/1991	Thanh Hóa	Khá
70	0901535	Vũ Thu Trang	Nữ	24/02/1991	Hà Nội	Khá
71	0901064	Đoàn Thị Ngọc Diệp	Nữ	01/07/1991	Hà Nam Ninh	Khá
72	0901331	Bạc Cẩm My	Nữ	24/01/1991	Hà Nội	Khá
73	0901376	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	07/02/1991	Thanh Hóa	Khá
74	0901146	Lương Thị Thu Hằng	Nữ	07/01/1991	Quảng Ninh	Khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 357/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
75	0901518	Cù Thị Minh Trang	Nữ	20/08/1991	Phú Thọ	Khá
76	0901183	Phạm Thị Anh Hoài	Nữ	15/07/1991	Hải Dương	Khá
77	0901501	Hoàng Thị Thuý	Nữ	10/06/1991	Nghệ An	Khá
78	0901143	Lê Thị Hằng	Nữ	27/10/1991	Thanh Hóa	Khá
79	0901263	Nguyễn Phương Lan	Nữ	16/12/1990	Hà Nội	Khá
80	0901333	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	10/10/1991	Hà Bắc	Khá
81	0901391	Lại Quang Phương	Nam	04/07/1991	Hưng Yên	Khá
82	0901077	Ngô Thị Kim Duyên	Nữ	18/03/1991	Hà Nam	Khá
83	0901306	Đàm Thị Thanh Mai	Nữ	01/07/1991	Thanh Hóa	Khá
84	0901387	Lương Thị Phấn	Nữ	22/04/1991	Bắc Ninh	Khá
85	0901497	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	02/09/1991	Thanh Hóa	Khá
86	0901341	Hoàng Thị Thanh Nga	Nữ	10/09/1991	Nam Định	Khá
87	0901076	Nguyễn Duy	Nam	02/12/1991	Hà Tĩnh	Khá
88	0901084	Hoàng Việt Dũng	Nam	21/04/1991	Hải Dương	Khá
89	0901042	Nguyễn Văn Chiến	Nam	09/08/1991	Hà Tây	Khá
90	0901210	Trần Thị Huyền	Nữ	04/09/1991	Nam Hà	Khá
91	0901506	Nguyễn Duy Thực	Nam	16/09/1990	Bắc Giang	Khá
92	0901543	Võ Quang Trung	Nam	15/11/1991	Hà Tĩnh	Khá
93	0901035	Nguyễn Quang Chấn	Nam	23/09/1991	Bắc Ninh	Khá
94	0901134	Lê Thị Đức Hạnh	Nữ	08/12/1991	Thanh Hóa	Khá
95	0901402	Đinh Thanh Phương	Nữ	11/02/1991	Hà Tây	Khá
96	0901531	Nguyễn Thu Trang	Nữ	29/10/1991	Hà Nội	Khá
97	0901153	Bùi Thị Thu Hiền	Nữ	27/08/1991	Hải Phòng	Khá
98	0901468	Lê Văn Thắng	Nam	06/02/1991	Hà Tĩnh	Khá
99	0901230	Nguyễn Thị Thu Hường	Nữ	18/10/1991	Nam Định	Khá
100	0901178	Đỗ Thị Hoà	Nữ	19/11/1991	Thanh Hóa	Khá
101	0901195	Trần Thị Huệ	Nữ	21/01/1991	Nam Định	Khá
102	0901356	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	22/02/1991	Hà Nội	Khá
103	0901420	Ninh Thị Như Quỳnh	Nữ	01/09/1991	Hoàng Liên Sơn	Khá
104	0901504	Lê Minh Thúy	Nữ	15/09/1991	Thanh Hóa	Khá
105	0901596	Ong Thế Vũ	Nam	16/11/1991	Bắc Giang	Khá
106	0901105	Đậu Thị Giang	Nữ	18/10/1991	Thanh Hóa	Khá
107	0901139	Dương Thị Minh Hằng	Nữ	23/05/1991	Hà Bắc	Khá
108	0901452	Dương Dạ Thảo	Nữ	20/06/1991	Nghệ An	Khá
109	0901040	Lê Thị Chiến	Nữ	04/07/1991	Thanh Hóa	Khá
110	0901102	Tống Văn Đức	Nam	22/05/1991	Hải Dương	Khá
111	0901214	Nguyễn Cảnh Hưng	Nam	10/10/1991	Hà Nội	Khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 354/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
112	0901397	Nông Thị Thanh Phương	Nữ	23/10/1991	Hà Bắc	Khá
113	0901548	Phạm Văn Tuấn	Nam	14/08/1991	Hải Phòng	Khá
114	0901323	Lê Thanh Minh	Nam	25/12/1991	Thanh Hóa	Khá
115	0901343	Mai Thị Nga	Nữ	01/01/1991	Thanh Hóa	Khá
116	0901437	Lê Hữu Tân	Nam	23/09/1991	Thanh Hóa	Khá
117	0901578	Hoàng Thị Vân	Nữ	04/08/1991	Thanh Hóa	Khá
118	0901011	Lê Thị Hồng Anh	Nữ	28/04/1991	Hà Nội	Khá
119	0901041	Nguyễn Hữu Chiến	Nam	04/01/1991	Nghệ An	Khá
120	0901321	Hoàng Đức Minh	Nam	27/07/1991	Vĩnh Phú	Khá
121	0901081	Nguyễn Thuỳ Dương	Nữ	06/12/1991	Hưng Yên	Khá
122	0901085	Nguyễn Việt Dũng	Nam	24/10/1991	Thanh Hóa	Khá
123	0901204	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	07/02/1991	Thái Bình	Khá
124	0901358	Phạm Thuý Ngọc	Nữ	25/11/1991	Nam Định	Khá
125	0901383	Trịnh Thị Hồng Nhung	Nữ	04/01/1991	Bắc Giang	Khá
126	0901227	Trần Thị Hương	Nữ	10/04/1991	Hà Tĩnh	Khá
127	0901311	Phan Thị Thanh Mai	Nữ	22/08/1991	Nghệ An	Khá
128	0901487	Nguyễn Thị Thu	Nữ	09/09/1991	Thái Bình	Khá
129	0901604	Đỗ Thị Yến	Nữ	17/06/1991	Hà Bắc	Khá
130	0901364	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	16/09/1991	Hà Nam	Khá
131	0901335	Nguyễn Đức Nam	Nam	07/04/1991	Hà Tây	Khá
132	0901340	Đinh Thị Nga	Nữ	24/04/1991	Nam Định	Khá
133	0901067	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	04/10/1991	Hưng Yên	Khá
134	0901207	Phan Thị Thu Huyền	Nữ	30/07/1991	Hưng Yên	Khá
135	0901424	Tô Ngọc Sắc	Nam	15/08/1990	Thanh Hóa	Khá
136	0901570	Phạm Thanh Tùng	Nam	15/10/1991	Thái Bình	Khá
137	0901382	Trần Thị Nhung	Nữ	01/04/1991	Hà Nam Ninh	Khá
138	0901441	Bùi Hồng Tài	Nam	15/12/1991	Nghệ An	Khá
139	0901031	Nguyễn Ngọc Cầu	Nam	02/03/1990	Nghệ An	Khá
140	0901147	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	10/12/1991	Thanh Hóa	Khá
141	0901357	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	28/10/1991	Nghệ An	Khá
142	0901457	Ngô Thị Thanh Thảo	Nữ	24/03/1991	Thái Bình	Khá
143	0901003	Tô Ái An	Nữ	07/01/1991	Quảng Ninh	Khá
144	0901157	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	20/08/1991	Thanh Hóa	Khá
145	0901286	Trần Quốc Long	Nam	07/03/1991	Hà Nam	Khá
146	0901172	Trần Minh Hiệp	Nam	02/05/1991	Hà Nam	Khá
147	0901334	Lê Bá Nam	Nam	17/12/1991	Thanh Hóa	Khá
148	0901352	Lê Thị Hồng Ngọc	Nữ	05/05/1991	Hải Hưng	Khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 554/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
149	0901074	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	Nữ	16/10/1991	Hà Tĩnh	Khá
150	0901185	Đào Duy Hoàng	Nam	28/05/1991	Hà Nội	Khá
151	0901239	Nguyễn Văn Khanh	Nam	02/11/1991	Hà Tây	Khá
152	0901521	Lê Thị Trang	Nữ	26/09/1991	Thanh Hóa	Khá
153	0901591	Nguyễn Thị Vui	Nữ	20/06/1991	Nghệ An	Khá
154	0901274	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	22/03/1991	Nghệ An	Khá
155	0901572	Đoàn Đình Tú	Nam	10/08/1991	Hà Tây	Khá
156	0901190	Phạm Thu Hồng	Nữ	15/03/1991	Vĩnh Phú	Khá
157	0901579	Hoàng Thị Vân	Nữ	20/07/1991	Nghệ An	Khá
158	0901288	Vũ Thu Lộc	Nữ	05/09/1991	Nam Định	Khá
159	0901389	Nguyễn Huy Phong	Nam	03/12/1991	Hà Tây	Khá
160	0901169	Nguyễn Tiến Hiệp	Nam	28/01/1991	Vĩnh Phúc	Khá
161	0901234	Đinh Văn Hùng	Nam	15/01/1991	Hà Nội	Khá
162	0901523	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	04/07/1991	Lạng Sơn	Khá
163	0901287	Trương Thị Long	Nữ	11/08/1990	Thanh Hóa	Khá
164	0801160	Bùi Quang Huy Hoàng	Nam	02/04/1990	Hà Tĩnh	Khá
165	0901466	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	11/03/1991	Hà Tĩnh	Khá
166	0901499	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	30/10/1991	Hà Nội	Khá
167	0901563	Nguyễn Văn Tường	Nam	08/05/1991	Thái Bình	Khá
168	0901525	Nguyễn Kiều Trang	Nữ	04/09/1991	Hà Tĩnh	Khá
169	0901584	Trịnh Thị Vân	Nữ	14/02/1991	Thanh Hóa	Khá
170	0901298	Trần Thị Hương Ly	Nữ	24/10/1991	Hà Nội	Khá
171	0901304	Cao Thanh Mai	Nữ	10/05/1991	Hà Tĩnh	Khá
172	0901379	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	08/03/1991	Hoàng Liên Sơn	Khá
173	0901117	Lê Thị Hà	Nữ	07/11/1991	Hải Hưng	Khá
174	0901159	Trần Diệu Hiền	Nữ	29/12/1991	Hà Tĩnh	Khá
175	0901325	Nguyễn Hữu Minh	Nam	26/11/1991	Hải Hưng	Khá
176	0901015	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	03/01/1991	Thái Bình	Trung bình khá
177	0901453	Dương Thị Thảo	Nữ	19/06/1990	Bắc Giang	Trung bình khá
178	0901158	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	13/01/1991	Nam Định	Trung bình khá
179	0901314	Trịnh Thị Ngọc Mai	Nữ	19/08/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
180	0901037	Nguyễn Thị Kim Chi	Nữ	03/09/1991	Hà Nội	Trung bình khá
181	0901223	Nguyễn Thị Hương	Nữ	26/03/1991	Hà Tây	Trung bình khá
182	0901231	Phan Thị Hường	Nữ	11/09/1991	Hà Nội	Trung bình khá
183	0901568	Nguyễn Đắc Tùng	Nam	02/11/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
184	0901012	Mai Thị Lan Anh	Nữ	20/06/1991	Nam Định	Trung bình khá
185	0901407	Phạm Thanh Quang	Nam	19/07/1991	Hà Nam Ninh	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 35/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
186	0901556	Vũ Văn Tuấn	Nam	10/12/1991	Vĩnh Phúc	Trung bình khá
187	0901589	Bùi Đình Việt	Nam	20/03/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
188	0901607	Nguyễn Thị Yến	Nữ	13/12/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
189	0901272	Mai Thị Thuỳ Linh	Nữ	12/04/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
190	0901355	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nữ	25/05/1991	Quảng Ninh	Trung bình khá
191	0901378	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	05/05/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
192	0901073	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	22/05/1991	Nghệ An	Trung bình khá
193	0901346	Lê Phương Ngân	Nữ	23/05/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
194	0901456	Nghiêm Thị Thanh Thảo	Nữ	22/08/1991	Thái Bình	Trung bình khá
195	0901174	Đỗ Văn Hiệu	Nam	01/12/1991	Hà Tây	Trung bình khá
196	0901211	Trương Thị Thanh Huyền	Nữ	18/11/1991	Nghệ An	Trung bình khá
197	0901562	Trần Thị Tươi	Nữ	18/03/1991	Hà Nội	Trung bình khá
198	0901609	Nguyễn Thị Trung Yến	Nữ	17/12/1991	Bắc Ninh	Trung bình khá
199	0901567	Lữ Trọng Tùng	Nam	24/04/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
200	0901119	Nguyễn Ngọc Hà	Nữ	28/11/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
201	0901138	Cao Thị Thu Hằng	Nữ	25/08/1991	Thái Bình	Trung bình khá
202	0901312	Phạm Thị Mai	Nữ	12/04/1991	Nghệ An	Trung bình khá
203	0901557	Vũ Văn Tuấn	Nam	28/04/1991	Vĩnh Phúc	Trung bình khá
204	0901366	Đinh Văn Nhân	Nam	03/10/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
205	0901418	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nữ	11/09/1991	Quảng Ninh	Trung bình khá
206	0901533	Phan Thị Hồng Trang	Nữ	01/05/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
207	0901332	Nguyễn Thị Hà My	Nữ	26/10/1991	Hà Tây	Trung bình khá
208	0901438	Nguyễn Đức Tân	Nam	09/05/1991	Hải Hưng	Trung bình khá
209	0901500	Trịnh Thu Thủy	Nữ	21/08/1991	Hà Nam	Trung bình khá
210	0901250	Tạ Thị Khuyên	Nữ	15/06/1990	Tuyên Quang	Trung bình khá
211	0901524	Nguyễn Hà Trang	Nữ	31/10/1991	Hà Tây	Trung bình khá
212	0901585	Trịnh Thị Vân	Nữ	10/05/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
213	0901089	Hà Thị Đào	Nữ	24/07/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
214	0901220	Lưu Thị Hương	Nữ	01/08/1990	Thanh Hóa	Trung bình khá
215	0901600	Đinh Thị Xuân	Nữ	16/12/1991	Hải Phòng	Trung bình khá
216	0901353	Lưu Tuấn Ngọc	Nam	17/12/1991	Quảng Ninh	Trung bình khá
217	0901605	Hà Hải Yến	Nữ	15/08/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
218	0901078	Trần Thế Duyệt	Nam	08/08/1991	Nam Định	Trung bình khá
219	0901417	Phan Kim Quyết	Nam	09/02/1991	Vĩnh Phú	Trung bình khá
220	0901008	Đặng Tuấn Anh	Nam	31/12/1991	Hải Hưng	Trung bình khá
221	0901401	Trương Minh Phương	Nữ	04/09/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
222	0901586	Vũ Thị Vân	Nữ	02/10/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 35/10QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
223	0901602	Lê Thị Xuân	Nữ	17/07/1991	Bắc Ninh	Trung bình khá
224	0901390	Cao Hà Phương	Nữ	29/04/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
225	0901307	Đặng Thị Mai	Nữ	26/11/1991	Hà Tây	Trung bình khá
226	0901464	Vũ Quốc Thái	Nam	30/04/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
227	0901281	Nguyễn Thanh Loan	Nữ	27/10/1991	Hà Nội	Trung bình khá
228	0901173	Vũ Đình Hiệp	Nam	18/01/1990	Hải Hưng	Trung bình khá
229	0901493	Đào Thị Thanh Thủy	Nữ	12/12/1991	Hà Nội	Trung bình khá
230	0901188	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	12/07/1991	Hải Hưng	Trung bình khá
231	0901262	Lại Thị Quỳnh Lan	Nữ	18/06/1991	Hà Nội	Trung bình khá
232	0901406	Phạm Lê Quang	Nam	28/07/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
233	0901087	Nguyễn Văn Đàm	Nam	13/03/1991	Thái Bình	Trung bình khá
234	0901118	Nguyễn Đình Hà	Nam	17/09/1991	Bắc Giang	Trung bình khá
235	0901241	Ngô Xuân Khánh	Nam	26/10/1990	Thái Bình	Trung bình khá
236	0901295	Luyện Lưu Ly	Nữ	11/06/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
237	0901302	Phạm Thị Hải Lý	Nữ	19/09/1991	Thái Bình	Trung bình khá
238	0901350	Đoàn Trung Nghĩa	Nam	01/04/1991	Nam Định	Trung bình khá
239	0901360	Hà Thị Nguy	Nữ	08/04/1989	Thanh Hóa	Trung bình khá
240	0901469	Nguyễn Bảo Thắng	Nam	20/06/1991	Thái Bình	Trung bình khá
241	0901058	Đặng Mạnh Cường	Nam	29/03/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
242	0901247	Khuất Duy Khoa	Nam	31/03/1990	Hà Nội	Trung bình khá
243	0901283	Vũ Thị Loan	Nữ	23/08/1990	Nam Hà	Trung bình khá
244	0901351	Dương Xuân Ngộ	Nam	06/01/1990	Bắc Giang	Trung bình khá
245	0901564	Nguyễn Văn Tường	Nam	10/01/1990	Nghệ An	Trung bình khá
246	0901140	Đoàn Thị Thu Hằng	Nữ	02/05/1991	Nam Định	Trung bình khá
247	0901246	Dương Văn Khoa	Nam	10/02/1991	Hải Hưng	Trung bình khá
248	0901566	Đặng Xuân Tùng	Nam	14/11/1991	Nghệ An	Trung bình khá
249	0901299	Nguyễn Khắc Lý	Nam	26/09/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
250	0901400	Phạm Thị Minh Phương	Nữ	27/11/1991	Nam Định	Trung bình khá
251	0901141	Đỗ Thuý Hằng	Nữ	04/08/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
252	0901505	Phan Văn Thụ	Nam	22/02/1990	Hà Bắc	Trung bình khá
253	0901537	Nguyễn Thị Minh Trâm	Nữ	21/05/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
254	0901075	Thân Thị Dung	Nữ	08/03/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
255	0901098	Kiều Minh Đức	Nam	20/02/1991	Vĩnh Phú	Trung bình khá
256	0901154	Hoàng Thị Hiền	Nữ	20/08/1990	Yên Bái	Trung bình khá
257	0901377	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	06/10/1991	Quảng Ninh	Trung bình khá
258	0901053	Lương Văn Công	Nam	02/02/1989	Thái Nguyên	Trung bình khá
259	0601358	Đào Xuân Sáng	Nam	05/05/1988	Hưng Yên	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 35/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
260	0901485	Đào Thị Thu	Nữ	02/04/1990	Nghệ An	Trung bình khá
261	0901569	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	16/08/1991	Nam Định	Trung bình khá
262	0901072	Lê Thị Dung	Nữ	29/03/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
263	0901279	Đào Ngọc Loan	Nữ	10/01/1991	Hung Yên	Trung bình khá
264	0901444	Phạm Ngọc Thanh	Nam	02/12/1991	Nam Định	Trung bình khá
265	0901517	Bùi Thị Huyền Trang	Nữ	30/12/1991	Bắc Giang	Trung bình khá
266	0901004	Trần Thị Thu An	Nữ	25/07/1991	Liên Bang Nga	Trung bình khá
267	0901320	Phạm Văn Mạnh	Nam	28/11/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
268	0901462	Đào Duy Thái	Nam	30/07/1991	Thái Bình	Trung bình khá
269	0901551	Đặng Bảo Tuấn	Nam	02/10/1991	Hà Tây	Trung bình khá
270	0901020	Trần Thị Kim Anh	Nữ	05/11/1991	Thái Bình	Trung bình khá
271	0901151	Nguyễn Quý Hậu	Nam	12/09/1991	Vĩnh Phú	Trung bình khá
272	0901313	Phạm Thị Hoa Mai	Nữ	06/08/1991	Vĩnh Phú	Trung bình khá
273	0901330	Nguyễn Thị Mùi	Nữ	19/02/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
274	0901491	Nguyễn Đức Thuận	Nam	20/03/1991	Nam Định	Trung bình khá
275	0901032	Mai Văn Chanh	Nam	09/07/1991	Ninh Bình	Trung bình khá
276	0901449	Nguyễn Tiến Thành	Nam	24/02/1991	Thái Bình	Trung bình khá
277	0901594	Dương Tuấn Vũ	Nam	01/05/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
278	0901155	Hoàng Thị Minh Hiền	Nữ	21/03/1991	Nghệ An	Trung bình khá
279	0901429	Nguyễn Thái Sơn	Nam	21/07/1991	Thái Bình	Trung bình khá
280	0901507	Chu Nguyễn Thuỷ Tiên	Nữ	28/12/1991	Hải Hưng	Trung bình khá
281	0901132	Trần Quốc Hào	Nam	23/11/1991	Thái Bình	Trung bình khá
282	0901208	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	22/07/1991	Hải Phòng	Trung bình khá
283	0901156	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	10/10/1991	Hà Tây	Trung bình khá
284	0901197	Lê Quang Huy	Nam	05/01/1991	Hà Nam Ninh	Trung bình khá
285	0901257	Nguyễn Vũ Lam	Nam	11/07/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
286	0901477	Trần Quốc Thịnh	Nam	05/08/1991	Nghệ An	Trung bình khá
287	0901127	Phan Văn Hào	Nam	21/04/1991	Nghệ An	Trung bình khá
288	0901229	Nguyễn Minh Hường	Nữ	12/04/1991	Hòa Bình	Trung bình khá
289	0901162	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	19/05/1991	Hung Yên	Trung bình khá
290	0901354	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	20/12/1991	Nam Định	Trung bình khá
291	0901559	Lê Phương Tuyến	Nữ	19/08/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
292	0901240	Trần Duy Khanh	Nam	19/05/1989	Nam Định	Trung bình khá
293	0901303	Bàn Thị Mai	Nữ	02/08/1989	Sơn La	Trung bình khá
294	0901580	Lương Thị Thu Vân	Nữ	28/11/1990	Bắc Thái	Trung bình khá
295	0901144	Lê Thị Hằng	Nữ	30/08/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
296	0901385	Đỗ Thị Kiều Oanh	Nữ	20/04/1990	Thanh Hóa	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 354/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
297	0901542	Nguyễn Huy Trung	Nam	22/12/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
298	0901017	Phạm Trâm Anh	Nữ	19/09/1991	Hòa Bình	Trung bình khá
299	0901122	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	27/03/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
300	0901261	Hoàng Thị Ngọc Lan	Nữ	08/12/1991	Hà Tây	Trung bình khá
301	0901149	Trần Thị Hằng	Nữ	16/07/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
302	0901199	Nguyễn Quốc Huy	Nam	12/01/1990	Vĩnh Phú	Trung bình khá
303	0901221	Lưu Thị Hương	Nữ	24/06/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
304	0901516	Chu Văn Toàn	Nam	27/03/1991	Bắc Ninh	Trung bình khá
305	0901442	Phạm Văn Tài	Nam	01/02/1990	Nghệ An	Trung bình khá
306	0901603	Đoàn Minh Yến	Nữ	19/02/1991	Nghệ An	Trung bình khá
307	0901024	Hà Huy Bách	Nam	03/11/1991	Hải Phòng	Trung bình khá
308	0901091	Lê Văn Đạt	Nam	20/02/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
309	0901243	Nguyễn Quốc Khánh	Nam	07/11/1991	Quảng Ninh	Trung bình khá
310	0901440	Trần Hoàng Tân	Nam	14/06/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
311	0901498	Nông Thị Thuỷ	Nữ	28/07/1990	Cao Bằng	Trung bình khá
312	0901363	Ngô Thị Nguyệt	Nữ	06/10/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
313	0901375	Đặng Thị Hồng Nhung	Nữ	31/10/1991	Thái Bình	Trung bình khá
314	0901451	Phạm Trung Thành	Nam	05/09/1990	Hải Dương	Trung bình khá
315	0901510	Nguyễn Mạnh Tiến	Nam	04/02/1991	Hà Sơn Bình	Trung bình khá
316	0901448	Ngô Duy Thành	Nam	15/11/1991	Thái Nguyên	Trung bình khá
317	0801226	Võ Hồng Lam	Nữ	18/09/1990	Nghệ An	Trung bình khá
318	0901080	Hoàng Thị Thuỳ Dương	Nữ	15/05/1990	Bắc Thái	Trung bình khá
319	0901168	Nguyễn Thế Hiệp	Nam	20/10/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
320	0901411	Bạch Thế Quân	Nam	06/01/1991	Hoàng Liên Sơn	Trung bình khá
321	0901018	Phùng Đức Anh	Nam	08/09/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
322	0901267	Ly Leab	Nam	02/12/1987	Campuchia	Trung bình khá
323	0901398	Phạm Minh Phương	Nam	16/09/1991	Nghệ An	Trung bình khá
324	0901458	Nguyễn Hương Thảo	Nữ	24/11/1991	Bắc Giang	Trung bình khá
325	0901068	Nguyễn Văn Doanh	Nam	12/08/1991	Hải Hưng	Trung bình khá
326	0901484	Trần Hữu Thọ	Nam	02/07/1991	Hà Tây	Trung bình khá
327	0901049	Nguyễn Bá Chung	Nam	20/12/1990	Hà Tĩnh	Trung bình khá
328	0901055	Vũ Văn Công	Nam	26/01/1991	Hải Dương	Trung bình khá
329	0901552	Hoàng Mạnh Tuấn	Nam	10/05/1991	Nam Định	Trung bình khá
330	0901561	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	17/03/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
331	0901124	Nguyễn Văn Hà	Nam	27/11/1991	Hà Bắc	Trung bình khá
332	0901224	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	06/10/1991	Hà Nội	Trung bình khá
333	0901427	Phạm Đức Sinh	Nam	15/09/1991	Lào Cai	Trung bình khá

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP Y DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 35/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
334	0901253	Lê Trung Kiên	Nam	09/07/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
335	0901514	Nguyễn Văn Tĩnh	Nam	10/12/1991	Thanh Hóa	Trung bình khá
336	0901329	Lê Thị Mơ	Nữ	01/08/1991	Hải Hưng	Trung bình khá
337	0901476	Lê Hữu Thịnh	Nam	14/12/1990	Hà Tĩnh	Trung bình khá
338	0801036	Nguyễn Văn Chinh	Nam	16/04/1990	Bắc Ninh	Trung bình khá
339	0801355	Phạm Hồng Quân	Nam	27/12/1990	Hà Nội	Trung bình khá
340	0901225	Nông Thị Lan Hương	Nữ	24/10/1990	Lạng Sơn	Trung bình khá
341	0901430	Văn Ngọc Sơn	Nam	14/04/1991	Hà Nam	Trung bình khá
342	0901588	Phùng Tuấn Viễn	Nam	10/06/1991	Thái Bình	Trung bình khá
343	0901384	Nguyễn Duy Ninh	Nam	24/01/1991	Bắc Ninh	Trung bình khá
344	0901170	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	01/05/1991	Ninh Bình	Trung bình khá
345	0901277	Quan Thị Linh	Nữ	24/09/1990	Cao Bằng	Trung bình khá
346	0901478	Phạm Thị Tho	Nữ	08/01/1991	Nam Định	Trung bình khá
347	0901242	Nguyễn Duy Khánh	Nam	26/10/1991	Hà Tĩnh	Trung bình khá
348	0801465	Phạm Thành Trung	Nam	02/12/1990	Hà Tây	Trung bình khá
349	0601398	Dương Thị Kim Thoa	Nữ	02/08/1988	Nam Định	Trung bình khá
350	0901388	Den Phearun	Nam	01/02/1989	Campuchia	Trung bình khá
351	0901483	Dương Văn Thọ	Nam	16/07/1990	Ninh Bình	Trung bình khá
352	0901192	Bế Thị Huế	Nữ	25/05/1990	Cao Bằng	Trung bình khá
353	0901415	Ngô Huyền Quyên	Nữ	31/12/1991	Hưng Yên	Trung bình khá
354	0901435	Lê Trọng Tâm	Nam	02/07/1990	Thanh Hóa	Trung bình khá
355	0901294	Nguyễn Văn Lực	Nam	08/04/1991	Vĩnh Phú	Trung bình
356	0901051	Giàng Thị Chư	Nữ	19/08/1990	Lai Châu	Trung bình
357	0901532	Nông Thị Hiền Trang	Nữ	11/06/1990	Tuyên Quang	Trung bình
358	0901549	Bùi Văn Tuấn	Nam	17/10/1991	Nghệ An	Trung bình
359	0901028	Vũ Văn Biết	Nam	20/01/1990	Hải Dương	Trung bình
360	0901409	Trần Hồng Quang	Nam	14/10/1991	Nghệ An	Trung bình
361	0701511	Lê Đức Anh	Nam	24/07/1989	Nam Định	Trung bình
362	0901575	Phạm Văn Tú	Nam	22/08/1991	Nam Định	Trung bình
363	0901273	Mạc Thành Linh	Nam	01/02/1988	Nghệ An	Trung bình
364	0901422	Tạ Xuân San	Nam	24/10/1990	Bắc Giang	Trung bình
365	0901486	Đặng Thị Tâm Thu	Nữ	06/12/1989	Yên Bái	Trung bình
366	0901236	Trương Mạnh Hùng	Nam	10/09/1991	Thanh Hóa	Trung bình
367	0901252	Đỗ Trung Kiên	Nam	29/10/1991	Hà Tây	Trung bình
368	0901434	Đào Dũng Sỹ	Nam	02/09/1991	Vĩnh Phú	Trung bình
369	0801068	Nguyễn Ánh Dương	Nam	11/12/1990	Vĩnh Phú	Trung bình
370	0901164	Đinh Tuấn Hiệp	Nam	02/12/1991	Hà Nội	Trung bình

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

(Kèm theo Quyết định số: 357/QĐ-DHN, ngày 16 tháng 6 năm 2014)

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp hạng
371	0901290	Bùi Khắc Lợi	Nam	10/03/1991	Hải Hưng	Trung bình
372	0801462	Nguyễn Xuân Trọng	Nam	28/08/1989	Thanh Hóa	Trung bình
373	0901308	Hứa Thị Mai	Nữ	10/12/1990	Lạng Sơn	Trung bình
374	0901416	Nguyễn Xuân Quyền	Nam	22/01/1990	Bắc Giang	Trung bình
375	0901571	Cao Mạnh Tú	Nam	04/04/1991	Nghệ An	Trung bình
376	0801179	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	21/07/1989	Hà Tây	Trung bình
377	0901289	Lý Go Lớ	Nữ	07/05/1989	Lai Châu	Trung bình
378	0801215	Lê Đình Khoa	Nam	23/03/1990	Thanh Hóa	Trung bình
379	0901292	Đỗ Hữu Lượng	Nam	15/04/1991	Hà Sơn Bình	Trung bình
380	0901254	Trịnh Đình Kiên	Nam	18/07/1991	Thanh Hóa	Trung bình
381	0801264	Trương Văn Luân	Nam	03/05/1989	Thanh Hóa	Trung bình
382	0801402	Lê Đình Thắng	Nam	20/05/1990	Thanh Hóa	Trung bình
383	0701039	Trần Văn Cương	Nam	22/11/1986	Hà Tĩnh	Trung bình
384	0701178	Nguyễn Văn Huân	Nam	09/11/1989	Bắc Giang	Trung bình
385	0901101	Phan Xuân Đức	Nam	14/06/1991	Hà Tĩnh	Trung bình
386	0901324	Lưu Tuấn Minh	Nam	12/05/1990	Nam Định	Trung bình
387	0811046	Vi Thanh Hoài	Nam	15/01/1989	Cao Bằng	Trung bình
388	0801006	Chu Hoàng Anh	Nam	16/12/1990	Thanh Hóa	Trung bình
389	0801427	Nguyễn Thị Thuận	Nữ	19/09/1989	Nghệ An	Trung bình
390	0901137	Trần Xuân Hạnh	Nam	08/10/1990	Hà Tây	Trung bình
391	0701229	Lê Trung Kiên	Nam	30/12/1989	Thanh Hóa	Trung bình

HIỆU TRƯỞNG 

Nguyễn Đăng Hòa